

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/KDTM-ST

Ngày: 14 – 7 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Minh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Duyên

2. Bà Hà Linh Chi

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thành Luân, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Hương Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2021/TLST-KDTM ngày 19/04/2021 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 188/2022/QĐXXST-KDTM ngày 26 tháng 05 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 171/2022/QĐST-KDTM ngày 22/6/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty A.

Địa chỉ trụ sở: Số đường Bàu Cát 1, Phường 14, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Mạc Minh Q, sinh năm 1979, địa chỉ: số đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy ủy quyền ngày 31/03/2020. (Có mặt)

2. Bị đơn: Công ty B.

Địa chỉ trụ sở chính: Số Đường số 1, Phường 16, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Vũ Tuấn N, sinh năm 1990, địa chỉ: Số đường Lê Văn Thọ, Phường 16, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo

Quyết định ủy quyền số 01.1121.QĐ-TT ngày 12/11/2021. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Mạc Minh Q trình bày:

Công ty A (sau đây gọi tắt là Công ty A) có cung cấp hàng hóa thiết bị cho Công ty B (sau đây gọi tắt là Công ty B), trong quá trình thỏa thuận hai bên không thực hiện ký kết hợp đồng mua bán mà chỉ trao đổi, đàm phán qua điện thoại, tổng số tiền mua hàng là 448.157.600 đồng. Đến nay Công ty B mới thanh toán được cho Công ty A số tiền mua hàng là 241.226.000 đồng, còn nợ số tiền 206.931.600 đồng. Công ty A đã nhiều lần liên hệ, yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ 206.931.600 đồng nhưng Công ty B không trả nợ. Nay nguyên đơn Công ty A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty B phải trả số tiền nợ còn lại là 206.931.600 đồng và tiền lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ chưa trả, tính từ ngày 20/01/2021 đến ngày 20/6/2022 là 29.198.048 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi từ sau ngày 20/6/2022. Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán là 236.129.648 đồng.

Phía bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Vũ Tuấn N trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch mua bán hàng hóa với nhau, các giao dịch đều trao đổi thông qua điện thoại và thư điện tử. Hai bên đều không thỏa thuận cụ thể về thời hạn thanh toán hay lãi suất chậm thanh toán. Do hiện nay các thông tin về công nợ chưa rõ ràng như: không liệt kê hết các đơn hàng, hóa đơn và các khoản thành toán, không có biên bản xác nhận giao hàng trùng khớp với các hóa đơn hay đơn hàng. Đến nay bị đơn chưa nhận được đề nghị thanh toán ngày 10/12/2020 của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu bị đơn trả số tiền 206.931.600 đồng và lãi suất phát sinh:

Căn cứ biên bản đối chiếu công nợ giữa nguyên đơn và bị đơn xác định: Tính đến ngày 20/01/2021 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 206.931.600 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 50, Điều 55 Luật thương mại 2005 làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền mua hàng là 206. 931.600 đồng.

Đối với mức lãi suất chậm thanh toán, theo Điều 306 Luật thương mại năm 2005 nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu mức lãi suất chậm thanh toán là 10%/năm tính từ ngày 20/01/2021 đến ngày 20/6/2022. Nhận thấy yêu cầu này là có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

Đề nghị HĐXX tuyên:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.
- Bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Công ty A khởi kiện yêu cầu Công ty B phải trả số tiền mua hàng và tiền lãi chậm thanh toán là 236.129.648 đồng nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Bị đơn Công ty B có trụ sở chính tại quận Gò Vấp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2] Về thủ tục tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

3] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu bị đơn phải trả số tiền mua hàng là 206.931.600 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào lời khai của hai bên, Công ty A có thỏa thuận để cung cấp hàng hóa, thiết bị cho Công ty B. Thực hiện như thỏa thuận, Công ty A đã giao hàng của Công ty B theo các hóa đơn giá trị gia tăng ngày 11/04/2019, ngày 25/07/2019, ngày 06/09/2019, ngày 09/09/2019, ngày 27/09/2019, ngày 18/8/2020, ngày 29/10/2020, ngày 31/10/2020 và các phiếu xuất kho ngày 11/04/2019, ngày 02/12/2020, ngày 25/12/2020, ngày 13/10/2020.

Căn cứ lời khai của bị đơn, Công ty B có hoạt động mua bán hàng hóa đối với Công ty A, tuy nhiên bị đơn không chấp nhận bản đối chiếu công nợ mà nguyên đơn đưa ra và cho rằng bản đối chiếu công nợ này là không chính xác. Tuy nhiên, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc này nên lời trình bày của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

Do đó xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền mua hàng còn thiếu là 206.931.600 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tiền trả lãi chậm thanh toán, tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả, với mức lãi suất là 10%/năm tính từ ngày 20/01/2021 đến ngày 20/6/2022 là 29.198.048 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, như đã phân tích ở trên, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận. Thời gian tính lãi từ ngày 20/01/2021 là phù hợp với thời điểm nguyên đơn gửi bản đối chiếu công nợ tới bị đơn ngày 26/01/2021 và theo khoản 1 Điều 55 Luật Thương mại. Yêu cầu trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất 10%/năm của nguyên đơn là phù hợp với mức lãi suất liên ngân hàng tại thời điểm xét xử và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 206.931.600 đồng, tiền lãi từ ngày 20/01/2021 đến ngày 20/6/2022 là 29.198.048 đồng. Tổng cộng là 236.129.600 đồng, trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn không yêu cầu tính lãi đối với bị đơn từ sau ngày 20/6/2022. Xét thấy, yêu cầu không tính lãi này có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

4] Về án phí:

Căn cứ quy định của Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Công ty B phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là 11.806.480 đồng.

Yêu cầu của Công ty A được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Hoàn trả lại tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn là 5.603.020 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0028331 ngày 19/04/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 50, Điều 55, 306 của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội Đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc Công ty B trả cho Công ty A số tiền 236.129.600 đồng, trong đó tiền gốc là 206.931.600 đồng, tiền lãi tính từ ngày 20/01/2021 đến ngày 20/6/2022 là 29.198.048 đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu tính lãi từ sau ngày 20/6/2022.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty A cho đến khi thi hành án xong, Công ty B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty B phải chịu án phí kinh doanh thương mại là 11.806.480 đồng.

Hoàn trả lại tiền tạm nộp án phí là 5.603.020 đồng cho Công ty A theo biên lai thu số AA/2019/0028331 ngày 19/04/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Thi hành tại chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Công ty A được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Loan